

Bản án số: 51/2018/HS-ST
Ngày 19/11/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI.

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Triệu Vĩnh Thái.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hồ Trọng Trung.

2. Ông Lê Hoàng Chuân.

Thư ký phiên toà: Ông Nghiêm Mạnh Hùng - Thư ký toà án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn tham gia phiên toà: Bà Lê Thu Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 53/2018/TLST-HS ngày 17 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2018/QĐXXST-HS ngày 05/11/2018 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Đức P, sinh ngày 06/02/1990, tại huyện Y, tỉnh Y.

Nơi cư trú: Thôn B, xã X, huyện Y, tỉnh Y.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 6/12.

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: (không xác định được); con bà: Nguyễn Thị X, sinh năm 1968. Hiện trú tại: Thôn B, xã X, huyện Y, tỉnh Y.

Vợ: Lưu Thị D, sinh năm 1988, bị cáo có 02 con lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2016, hiện trú tại xã B, huyện Y, tỉnh Y.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/7/2018 đến nay - Có mặt.

2/ Phạm Văn T, sinh ngày 11/01/1994, tại huyện Y, tỉnh Y.

Nơi cư trú: Thôn B, xã X, huyện Y, tỉnh Y.

Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa: Lớp 7/12.

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Phạm Văn M, sinh năm 1971; con bà: Nguyễn Thị C, sinh năm 1973. Hiện trú tại: Xã X, huyện Y, tỉnh Y.

Vợ: Chảo Mùi M, sinh năm 1994, bị cáo có 01 con sinh năm 2016, hiện trú tại xã X, huyện Y, tỉnh Y.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/7/2018 đến nay - Có mặt.

3/ Nguyễn Văn C, sinh ngày 16/6/1990, tại huyện Y, tỉnh Y.

Nơi cư trú: Thôn B, xã X, huyện Y, tỉnh Y.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 7/12.

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Nguyễn Văn H, sinh năm 1958; con bà: Mai Thị H, sinh năm 1959.
Hiện trú tại: Xã X, huyện Y, tỉnh Y.

Vợ: Hoàng Thị T, sinh năm 1992, bị cáo có 03 con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2015. Hiện trú tại xã X, huyện Y, tỉnh Y.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” - Có mặt.

Người bị hại: Ông Lương Văn C, sinh năm 1977.

Nơi cư trú: xã H, huyện V, tỉnh L - Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1 - Bà Hoàng Thị D, sinh năm 1975 - Vắng mặt.

Người được ủy quyền của bà Hoàng Thị D: Ông Lương Văn C, sinh năm 1977.

Đều cư trú tại: xã H, huyện V, tỉnh L - Vắng mặt.

2 - Ông Phạm Văn M, sinh năm 1971 - Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn B, xã X, huyện Y, tỉnh Y.

Người làm chứng: 1 - Ông Hầu Xuân C, sinh năm 1981 - Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện Y, tỉnh Y.

2 - Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1988 - Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn B, xã X, huyện Y, tỉnh Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên Tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Tháng 5/2018, Nguyễn Đức P và Nguyễn Văn C chung tiền mua xe ô tô tải BKS 21C - 057.21 để đi buôn bán hoa quả và nhờ anh Nguyễn Văn Q - sinh năm 1988, trú tại thôn B, xã X, huyện Y, tỉnh Y (là anh trai của Nguyễn Văn C) đứng tên đăng ký. Do làm ăn thua lỗ nên tháng 6/2018, Nguyễn Đức P nói với Nguyễn Văn C sẽ đi trộm cắp trâu bán lấy tiền tiêu sài và trả nợ. Do C bị cụt 01 chân nên không thể đi cùng được nên nói với C rủ thêm Phạm Văn T cùng đi với P, C đồng ý và gọi điện rủ T. Đến khoảng giữa tháng 6/2018, P và T đến nhà C để bàn bạc thống nhất sẽ dùng xe ô tô tải BKS 21C - 057.21 để đi trộm cắp trâu, C đi bán tầm dạo ở các tỉnh khác khi phát hiện có trâu để trộm cắp sẽ gọi điện cho P và T đến để trộm cắp trâu mang bán lấy tiền chia nhau. Khoảng cuối tháng 6/2018, C đi bán tầm dạo ở tỉnh C thấy có nhiều trâu thả rông ở ven đường nên đã gọi điện cho P lên xem có lấy trộm được không. Ngày 24/6/2018, khi đang làm thuê ở khu vực xã B, huyện B, tỉnh L thì P gọi điện cho T về để đi ăn trộm trâu. T đi xe khách về nhà, khoảng 19 giờ cùng ngày P và T cùng nhau đến nhà gặp C để lấy xe ô tô BKS 21C - 057.21 đi lên thị trấn P, huyện B, tỉnh L ngủ. Sáng 25/6/2018 đi theo QL 279 sang tỉnh C, khi đi qua trung tâm huyện V khoảng 30km đến 40km thì quay về do đường bị sạt lở. T gọi điện báo cho C biết do đường bị sạt lở nên không đi sang tỉnh C nữa, để T và P đi tìm ở huyện V xem có con trâu nào thì lấy trộm, C đồng ý. Khi đi qua khu vực thôn 1, xã H, huyện V, P phát hiện có 01 chuồng trâu gần bờ suối, cách nhà dân khoảng 30m đến 40m, P nói với T “có chuồng trâu thì sẽ có trâu để trộm cắp, tối sẽ quay lại trộm cắp trâu ở đây.” T gọi điện cho C báo “bọn em phát hiện trâu để trộm cắp xong rồi sẽ về luôn”. C đồng ý,

P và T đi ra trung tâm huyện V ăn cơm. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày T, P quay vào nhưng do còn sớm người dân chưa đi ngủ nên lại quay ra trung tâm huyện V. Đến khoảng hơn 00 giờ ngày 26/6/2018 cả hai tiếp tục đi vào xã H, khi cách chuồng trâu khoảng 200m, P điều khiển xe vào một bãi đất trống bên phải đường rồi quay đầu lùi xe vào taluy dương. Cả hai đi bộ đến vị trí chuồng trâu nhưng không có con trâu nào được buộc nhốt ở đó, đi tiếp khoảng 20m đến 30m phát hiện có khoảng 07 - 08 con trâu được buộc ở bãi đất ven suối. P đứng bên ngoài cảnh giới còn T đi xuống chỗ đàn trâu nhưng thấy toàn trâu nhỏ nên quay ra bảo P là “toàn trâu bé thôi”, P bảo “thôi cứ dắt đại một con đi”. T quay lại quan sát thấy một con trâu cái lông da màu đen của gia đình ông Lương Văn C - sinh năm 1977, trú tại thôn 1, xã H, huyện V - được buộc vào cọc gần bụi tre. T cởi dây thừng và dắt trâu đi theo ven suối, P đi theo đuổi trâu đến vị trí xe ô tô BKS 21C - 057.21 dắt lên thừng xe. P điều khiển xe đi ra cao tốc Nội Bài - Lào Cai, trên đường đi T gọi điện báo cho C nói “đã lấy trộm được một con trâu rồi, bọn em đang trên đường đi về”, C nói “sao bắt được ít thế”, T trả lời “toàn trâu bé và có buộc chuồng nên khó lấy”. C nói “thế thì về đi”. P, T đi đến khu vực xã T, huyện T, tỉnh Y dừng xe ngủ ven đường. Khoảng hơn 06 giờ cả hai đến xã C, huyện Y, tỉnh Y bán trâu cho ông Hầu Xuân C - sinh năm 1981 với giá 16.800.000đ. Khi về đến nhà C, P và T nói với C bán trâu được 15.000.000đ, trừ chi phí đi lại hết 1.500.000đ số còn lại chia nhau mỗi người được 4.500.000đ, nhưng C chỉ lấy 4.000.000đ, đưa cho P 500.000đ, P chia cho Tâm 250.000đ. Còn lại số tiền chênh lệch 1.800.000đ, T lấy 800.000đ đưa cho P 1.000.000đ. Sau đó T trả cho C số tiền 1.000.000đ đã vay từ trước.

Tại bản cáo trạng số: 52/CT-VKS ngày 16/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân Văn Bàn quyết định truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện Văn Bàn để xét xử các bị cáo Nguyễn Đức P, Phạm Văn T và Nguyễn Văn C về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, qua thẩm vấn đã nêu quan điểm luận tội và đề nghị hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đức P, Phạm Văn T, Nguyễn Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Về trách nhiệm hình sự:

* Hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức P từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

+ Xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

* Về hình phạt bổ sung: Không.

- Tạm giữ một phần tiền của Nguyễn Văn C đã giao nộp để đảm bảo thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận: Khoảng giữa tháng 6/2018, Nguyễn Đức P nảy sinh việc trộm cắp tài sản của người

khác để bán lấy tiền tiêu sài và trả nợ nên rủ Nguyễn Văn C và Phạm Văn T đi trộm cắp trâu. Các bị cáo bàn bạc dùng xe ô tô tải BKS 21C - 057.21 do P và C góp tiền mua chung để đi trộm cắp trâu. Khoảng cuối tháng 6/2018, C đi bán tằm dạo ở tỉnh C thấy có nhiều trâu thả rông ở ven đường nên đã gọi điện cho P lên xem có lấy trộm được không. Ngày 24/6/ 2018, P gọi điện cho T để cùng đi ăn trộm trâu. Khoảng 19 giờ cùng ngày P và T cùng nhau đến nhà C lấy xe ô tô BKS 21C - 057.21 đi lên thị trấn P, huyện B, tỉnh L ngủ. Sáng 25/6/2018 đi theo QL 279 sang tỉnh C, khi đi qua trung tâm huyện V khoảng 30km đến 40km thì quay về do đường bị sạt lở. T và P đã quyết định sẽ tìm và trộm cắp trâu ở huyện V và gọi điện báo cho C biết. Khoảng hơn 00 giờ ngày 26/6/ 2018 P và T đi xe ô tô vào thôn 1, xã H, huyện V, T quan sát bắt trộm một con trâu cái lông da màu đen của gia đình ông Lương Văn C rồi dắt lên thùng xe ô tô BKS 21C - 057.21. Sau đó P điều khiển xe ô tô cùng T đi ra cao tốc Nội Bài - Lào Cai hướng về phía tỉnh Yên. Khoảng hơn 06 giờ cả hai đến xã C, huyện Y, tỉnh Y bán trâu cho anh Hầu Xuân C với giá 16.800.000đ.

Tại Kết luận định giá tài sản số 21/KL-ĐGTS ngày 27/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Văn Bàn kết luận: 01 con trâu cái khoảng 07 tuổi, lông da màu đen, sừng dài khoảng 40cm, thể trạng trung bình, trâu khỏe mạnh bình thường giá là 21.000.000đ.

Như vậy lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo Nguyễn Đức P, Phạm Văn T và Nguyễn Văn C trộm cắp tài sản của người khác có trị giá 21.000.000^d (*hai mươi một triệu đồng*.) Do vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn truy tố là đúng người, đúng tội.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn trong đó: Bị cáo Nguyễn Văn P là người khởi xướng, trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm chính với vai trò là người thực hành. Bị cáo Phạm Văn T cùng trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm đồng phạm với vai trò là người thực hành. Bị cáo Nguyễn Văn C là người cho sử dụng phương tiện của mình, tìm kiếm tài sản để các bị cáo Phong, Tâm thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu trách nhiệm với vai trò người giúp sức.

[2] Hội đồng xét xử đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo như sau: Hành vi của bị cáo đã gây mất trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Là những người khỏe mạnh đã có gia đình nhưng các bị cáo không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân, lười lao động nên có hành vi xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác để có tiền tiêu sài. Ngoài ra các bị cáo hiện đang bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai khởi tố về hành vi trộm cắp tài sản tại địa bàn huyện B. Vì vậy cần phải xử lý các bị cáo với một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để cải tạo giáo dục các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thành khẩn khai báo; tự nguyện và tác động người thân bồi thường thiệt hại cho bị hại; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Các bị cáo T, C nghề nghiệp tự do, bị cáo P làm nghề lái xe đều có thu nhập thấp không có tài sản gì, gia đình Nguyễn Đức P và gia đình Nguyễn Văn C thuộc diện hộ nghèo của xã, Nguyễn Văn C bị tai nạn cắt một chân hạn chế khả năng lao động; gia đình Phạm Văn T thuộc diện hộ cận nghèo của xã. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt tù cho các bị cáo và không áp dụng hình phạt bổ sung để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Con trâu các bị cáo trộm cắp thuộc sở hữu của vợ chồng ông Lương Văn C và bà Hoàng Thị D, sau khi trộm cắp được trâu các bị cáo đã bán cho ông Hầu Xuân C được 16.800.000đ, trong đó chi phí hết 1.500.000đ; C được chia 4.000.000đ, P được chia 5.750.000đ, T được chia 5.550.000đ. Ông C không biết đây là tài sản do phạm tội mà có đã mua và mổ thịt bán. Các bị cáo đã bồi thường trị giá con trâu là 21.000.000 cho ông C bà D, ông C bà D không có yêu cầu gì khác nên cần công nhận. Các bị cáo tự chia nhau phân mỗi bị cáo phải bồi thường cho gia đình bị hại là 7.000.000đ. Bị cáo P đã nhờ bị cáo C bồi thường hộ mình, bị cáo C đã bồi thường nhưng không yêu cầu bị cáo P hoàn trả; bị cáo T nhờ bố đẻ ông Phạm Văn M bồi thường cho gia đình bị hại nhưng không yêu cầu bị cáo T hoàn trả nên không đề cập giải quyết.

[6] Về vật chứng: Đối với số tiền 5.000.000đ bị cáo C giao nộp là tiền có được do trộm cắp trâu của gia đình ông Lương Văn C, sau đó bị cáo C đã bồi thường cho bị hại nên cần trả cho bị cáo C số tiền này.

- Đối với xe ô tô hiệu Teraco, BKS 21C - 057.21 và 03 chiếc điện thoại di động thu giữ của các bị cáo là công cụ, phương tiện phạm tội. Các công cụ, phương tiện phạm tội này do cũng liên quan đến vụ án khác, hiện Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Thắng đang tạm giữ để phục vụ điều tra nên không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí vụ án theo quy định pháp luật.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đức P, Phạm Văn T, Nguyễn Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức P 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/7/2018 ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 11 (mười một) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/7/2018 ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Công nhận các bị cáo Nguyễn Đức P, Nguyễn Văn C và ông Phạm Văn M đã bồi thường trị giá con trâu trộm cắp là 21.000.000đ (*hai mươi một triệu đồng*) cho gia đình ông Lương Văn C và bà Hoàng Thị D là chủ sở hữu hợp pháp.

- Tạm giữ 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) của bị cáo Nguyễn Văn C để đảm bảo thi hành án. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn C 4.800.000đ (*bốn triệu tám trăm nghìn đồng*).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo Nguyễn Đức P, Phạm Văn T, Nguyễn Văn C mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, điều 7, điều 7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND Tỉnh(01);
- VKSND tỉnh(01);
- VKSND huyện(01);
- Công an huyện(02);
- Các bị cáo(03);
- Bị hại(01); Người có QLNVLQ(02);
- THAHS, THADS(07);
- Lưu HS, VP(03).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Triệu Vĩnh Thái